TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Đức Chúa Giê-su trong mối duyên tiếp cận đạo Phật

ISSN: 2734-9195 09:00 01/06/2026

Trước những chứng cứ đầy tính thuyết phục kể trên, hoàn toàn có khả năng Đức Chúa Giê-su là một phật tử, hay một vị Bồ Tát - một bậc Giác ngộ mang hạnh nguyện từ bi nhằm cứu giúp chúng sinh trên con đường tìm kiếm cảnh giới tâm linh tối thượng.

Con đường Tơ lụa đã định hình và phát triển mạnh mẽ từ nhiều thế kỷ trước khi Đức Chúa Giê-su giáng sinh. Không dừng lại ở vai trò giao thương hàng hóa, tuyến đại lộ này còn là cầu nối gắn kết các sắc tộc, nơi những tư tưởng, tri thức và niềm tin tôn giáo giao thoa.

Thời đại của Đức Chúa Giê-su, đạo Phật đã trải qua nửa thiên niên kỷ lịch sử, lan tỏa mạnh mẽ từ Ấn Độ ra khắp các châu lục.

Trên con đường bộ hướng về phía Tây, **triết lý đạo Phật** đã băng qua Afghanistan, miền bắc Iran, Iraq, rồi rẽ nhánh sang Palestine, Ai Cập, trước khi tiếp tục hành trình qua Syria, Thổ Nhĩ Kỳ để đến Hy Lạp. Chính Alexander Đại đế (Tại vị 336-323 trước Tây lịch) cũng từng dẫn quân viễn chinh dọc theo trục đường huyết mạch này, đi từ Macedonia đến tận vùng Tây Bắc Ấn Độ. Dù không chủ đích truyền bá Phật giáo, các cuộc chinh phạt vào thế kỷ IV trước Tây lịch của vị hoàng đế này đã vô tình tạo nên một cuộc gặp gỡ Đông - Tây kỳ vĩ.

Những thuộc địa Hy Lạp được thành lập tại Trung Á và Bắc Ấn lúc bấy giờ đã đặt nền móng cho thời kỳ Hy Lạp hóa, mở đường cho sự hưng thịnh của nghệ thuật Phật giáo Gandhāra độc đáo sau này.



(Ảnh: Internet)

Các bằng chứng **lịch sử** chỉ ra rằng ngay từ thế kỷ III trước Tây lịch, đạo Phật đã lan tỏa khắp một vùng rộng lớn từ Lưỡng Hà đến tận Ai Cập. Là cái nôi cổ đại nằm trong lưu vực hai dòng sông Tigris và Euphrates, vùng đất Tây Á này ngày nay phần lớn thuộc lãnh thổ Iraq, Kuwait, Syria và Thổ Nhĩ Kỳ. Vào năm 332 trước Tây lịch, Lưỡng Hà rơi vào tay Alexander Đại đế khi đang dưới quyền cai trị của triều đại Achaemenid, rồi tiếp tục trở thành một phần của Đế quốc Seleucus thuộc Hy Lạp sau khi ông băng hà. Đến khoảng năm 150 trước Tây lịch, quyền kiểm soát vùng đất này lại chuyển sang tay Parthia - siêu cường cai trị toàn bộ Iran và Lưỡng Hà lúc bấy giờ.

Tọa lạc ngay trên trục giao thương huyết mạch của Con đường Tơ lụa kết nối La Mã ở Địa Trung Hải với nhà Hán của Trung Hoa, vương quốc này nhanh chóng vươn mình thành một trung tâm thương mại sầm uất. Vào thời kỳ hoàng kim, lãnh thổ Parthia trải dài từ thượng nguồn sông Euphrates ở miền trung đông Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay đến tận rìa đông Iran.

Người Parthia đã tiếp thu sâu sắc nghệ thuật, kiến trúc, **tín ngưỡng** và các biểu tượng hoàng gia từ một nền tảng đa sắc tộc - nơi hòa quyện giữa văn hóa Ba Tư, Hy Lạp cổ đại cùng nhiều truyền thống bản địa. Do các nguồn sử liệu gốc bằng tiếng Parthia hay tiếng Hy Lạp vô cùng khan hiếm, lịch sử vương triều này phần lớn được tái hiện qua lăng kính bên ngoài như các ghi chép của Hy Lạp, La Mã và sử sách Trung Hoa. Chính sự đa dạng về văn hóa và chính trị đã định

hình nên một hệ thống tín ngưỡng vô cùng phong phú tại đây. Nhiều bằng chứng khảo cổ chứng minh **Phật giáo** đã lan tỏa từ Đế quốc Kushan vào sâu trong chính quốc Iran. Thư tịch cổ Trung Hoa cũng ghi nhận, trong khoảng năm 148 đến 180, An Thế Cao - một vương tôn người Parthia, một tộc người cổ đại gốc Iran sinh sống ở vùng đông bắc Ba Tư (tương ứng với vùng Khorasan hiện đại) đồng thời là vị cao tăng thạc đức - đã du hóa đến kinh đô Lạc Dương thời nhà Hán. Với tư cách là một bậc Như Lai Sứ giả, ngài chính là người đã đặt nền móng khi dịch nhiều bộ kinh điển Phật giáo từ Phạn ngữ sang chữ Hán.

Vào năm 323 trước Tây lịch - tức hơn ba thế kỷ trước thời đại của **Đức Chúa Giê-su**, Đế quốc Macedonia dưới sự trị vì của Alexander Đại đế đã vươn mình thành một trong những đế chế rộng lớn nhất thế giới cổ đại. Bản đồ vương quốc này trải dài từ Hy Lạp, qua Ai Cập đến tận Tây Bắc Ấn Độ, bao trọn phần lớn lãnh thổ các quốc gia ngày nay như Thổ Nhĩ Kỳ, Syria, Iraq, Iran, Afghanistan và Pakistan. Tọa lạc ngay trên giao lộ của thương mại và tư tưởng, không gian văn hóa này tạo điều kiện cho các triết gia và nhà truyền bá đạo Phật sinh sống, giao lưu.

Sự hiện diện của họ trong lòng đế quốc đã để lại những dấu ấn sâu sắc, góp phần định hình các trào lưu triết học phương Tây thời bấy giờ.



(Ảnh: Internet)

Di sản mà Alexander Đại đế để lại là một chuỗi vương quốc Hy Lạp cùng các tuyến đường thương mại nối liền Địa Trung Hải với Trung Á. Đây chính là bệ phóng cho sự hòa quyện giữa nghi thức tâm linh phương Tây và tư tưởng phương Đông, khai sinh ra Phật giáo Hy Lạp (Greco-Buddhism) tại các khu vực thuộc Afghanistan, Pakistan và Bắc Ấn Độ ngày nay. Cả hai vương quốc Hy Lạp-Bactria (250-125 trước Tây lịch) và Ấn Độ-Hy Lạp (180 trước Tây lịch -10 Tây lịch) thời bấy giờ đều tiếp nhận đức tin độc đáo này. Trên trục đường Tơ lụa, các tự viện Phật giáo liên tục mọc lên, trở thành nơi các vị giảng sư Phật học và Sứ giả Như Lai miệt mài hoằng pháp cho cư dân bản địa lẫn khách lữ hành. Qua nhiều thế kỷ, giới thương nhân ngày càng đóng vai trò then chốt trong việc lan tỏa triết lý nhà Phật; đổi lại, các chùa chiền luôn mở cửa che chở, cung cấp nơi trú ngụ cho các thương đoàn suốt cuộc hành trình vạn dặm. Đến thế kỷ I trước Tây lịch, sự đồng thuận theo Phật giáo Hy Lạp của các vương quốc Trung Á đã đặt nền móng vững chắc, đưa đạo Phật lan tỏa sâu rộng về cả hai phía Đông - Tây theo dấu chân những người lữ khách.

Vào thế kỷ III trước Tây lịch, Thánh vương Asoka (trị vì 273–232 trước Tây lịch), vị hoàng đế kiệt xuất nhất của triều đại Maurya - Ấn Độ đã cử các phái đoàn truyền bá đạo Phật đến khắp mọi miền Ấn Độ và vươn xa đến tận vùng Địa Trung Hải. Ngay cả từ vài thập kỷ trước triều đại của ngài, các nhà truyền giáo đã sớm đăng trình lan tỏa giáo lý nhà Phật khắp các ngả đường châu Á, bao gồm cả Ai Cập. Những sắc dụ khắc trên đá của Thánh vương Asoka - trong đó có một số bản viết bằng tiếng Hy Lạp - đã minh chứng cho việc ngài ban Chỉ dụ cử các sứ giả Như Lai đến những vùng đất của người Hy Lạp tại châu Á và Địa Trung Hải. Có thể nói, đạo Phật chính là tôn giáo lớn truyền bá triết lý từ bi, trí tuệ đầu tiên mở rộng tầm ảnh hưởng của mình thông qua những chuyến lữ hành trên Con đường Tơ lụa. Đến thế kỷ I trước Tây lịch, Phật giáo đã bén rễ sâu rộng tại những vùng đất mà ngày nay là Afghanistan, Pakistan cùng các quốc gia xa hơn về phía Tây.

Một số giả thuyết lịch sử cho rằng Đức Chúa Giê-su có thể đã tiếp cận với đạo Phật từ thuở thiếu thời khi sinh sống tại Judea - vùng đất thuộc Palestine cổ đại. Nơi đây vốn là điểm trung chuyển huyết mạch kết nối các tuyến giao thương giữa Ấn Độ và phương Tây. Các lộ trình đường bộ từ Judea xuyên qua Ba Tư đến miền Tây Ấn Độ đã trở nên nhộn nhịp sau cuộc viễn chinh của Alexander Đại đế vào thế kỷ IV trước Tây lịch. Đến thời Đức Chúa Giê-su, Judea trở thành vùng bảo hộ của La Mã. Là đế chế giàu có bậc nhất bấy giờ, La Mã duy trì các mối bang giao thương mại chặt chẽ với Ấn Độ và Trung Á. Lượng hàng hóa khổng lồ đổ về Địa Trung Hải chủ yếu đi qua ngả Judea, biến vùng đất này thành một hồng tâm giao thương sầm uất. Trên các hành trình vạn dặm, giới lữ hành liên tục trao đổi thông tin về văn hóa và đức tin. Việc người dân Judea nghe biết về đạo Phật, hay các Phật tử đến định cư tại vùng bắc Ả Rập là điều hoàn toàn có thể xảy ra. Thực tế, nhiều khu định cư của người Do Thái đã mọc lên dọc theo lộ trình hành quân của Alexander Đại đế qua Ba Tư, Afghanistan, Kashmir và Punjab ngày nay - một chính sách được vị hoàng đế khuyến khích để củng cố nền cai trị của mình.

Trước những mô thức định cư và giao thương Đông - Tây kể trên, giới nghiên cứu nhận định việc Đức Chúa Giê-su tiếp cận với đạo Phật ngay từ thời thiếu niên là một giả thuyết hoàn toàn khả thi. Kinh Thánh hoàn toàn giữ im lặng về cuộc đời của ngài trong khoảng từ năm 13 đến 29 tuổi - giai đoạn thường được gọi là “những năm tháng bị thất lạc”. Nếu Đức Chúa Giê-su từng rời quê hương trong thời gian đó, ngài đã đi đâu? Các nguồn sử liệu ngoài Kinh Thánh phần nào hé lộ rằng ngài từng du hành ra ngoài xứ Judea. Điển hình như các tài liệu Hồi giáo cổ đại thường tôn vinh ngài là “vị ngôn sứ lữ hành” hay “bậc thầy của những người lữ thứ”. Những hành trình vạn dặm này càng kéo dài, cơ hội tiếp xúc với tư tưởng Phật giáo của ngài càng lớn. Nếu đặt chân ra khỏi Judea để đến

vùng Lưỡng Hà, ngài chắc chắn sẽ gặp gỡ các cộng đồng chịu ảnh hưởng của Phật giáo. Bởi lẽ, chứng tích khảo cổ đã chứng minh từ thế kỷ III trước Tây lịch, ánh sáng Phật pháp đã phủ khắp lưu vực sông Tigris và Euphrates tại Tây Á.



(Ảnh: Internet)

Sự im lặng của Kinh Thánh về những năm tháng thất lạc của Đức Chúa Giê-su là một trong những khoảng trống kỳ lạ nhất lịch sử. Đó là sự im lặng tuyệt đối bao trùm suốt 17 năm cuộc đời - từ tuổi 12 đến 29 - của một trong những vĩ nhân lớn nhất nhân loại. Kể từ thế kỷ II cho đến cuối thế kỷ XIX, khi Nicolas Notovitch - nhà thám hiểm kiêm phóng viên chiến trường người Nga - đặt lại vấn đề về những chuyến du hành thời trẻ của Đức Chúa Giê-su, Giáo hội La Mã đã có xu hướng phủ nhận các tài liệu không phù hợp với hệ thống giáo lý chính thống. Theo quan điểm bấy giờ, Đức Chúa Giê-su tự mình khởi sinh đức tin với tư cách là Con Thiên Chúa, và mọi bằng chứng đi ngược lại đều bị xem là dị giáo. Do đó, những giả thuyết về việc ngài từng lữ hành phương Đông hay tiếp cận với đạo Phật hoàn toàn không có chỗ đứng trong biên niên sử của Giáo hội La Mã. Chính sự sàng lọc nghiêm ngặt này đã khiến quãng đời thanh xuân của ngài mãi là một ẩn số chưa có lời giải đáp.

Nhà thám hiểm Nicolas Notovitch thực chất là một người Nga gốc Do Thái, tên thật là Nikolai Aleksandrovich Notovich (sinh năm 1858). Ông trở nên nổi tiếng sau khi xuất bản một cuốn sách vào năm 1894, tiết lộ rằng Đức Chúa Giê-su từng rời vùng Galilee để đến Ấn Độ trong quãng đời thanh xuân bí ẩn của mình. Tại đây, ngài đã học đạo với các hiền triết Phật giáo và Ấn Độ giáo trước khi trở lại xứ Judea vào năm 29 tuổi. Notovitch khẳng định nhận định này dựa trên một tài liệu cổ mà ông tận mắt chứng kiến tại Hemis - một tu viện Phật giáo Tây Tạng thuộc dòng Drukpa, nằm bên bờ sông Indus thuộc vùng Ladakh, Ấn Độ.

Dù tuyên bố của ông từng bị giới học giả châu Âu hoài nghi và bác bỏ, một số nghiên cứu độc lập sau này lại có xu hướng bênh vực và tìm cách xác thực những phát hiện của ông.

Để xác minh những công bố gây tranh cãi của Nicolas Notovitch, Đạo sư Swami Abhedananda (1866-1939) - một tu sĩ Ấn Độ giáo lỗi lạc và là đồng nghiệp của Swami Vivekananda - đã đến thăm tu viện Phật giáo Hemis vào năm 1922. Tại đây, các vị Lạt ma xác nhận Notovitch từng ghé thăm và bản thảo về Đức Chúa Giê-su thực sự tồn tại. Bản thảo gốc vốn được viết bằng tiếng Pali và lưu giữ tại tu viện Marbour gần Lhasa, còn bản tại tu viện Phật giáo Hemis là bản dịch bằng tiếng Tây Tạng. Bản thân Đạo sư Abhedananda đã tận mắt thưởng lãm tác phẩm gồm 14 chương với 223 câu thơ này. Ông nhờ một vị Lạt ma dịch lại khoảng 40 câu để ghi vào nhật ký lữ hành của mình. Theo nội dung dịch thuật, Đức Chúa Giê-su đã bí mật đến vùng Kashmir và tu học tại một tự viện Phật giáo giữa vòng vây môn đồ. Bản thảo tiếng Pali được biên soạn chỉ khoảng 3 đến 4 năm sau khi ngài qua đời, dựa trên lời kể của các thương nhân lữ thứ về sự kiện đóng đinh trên thập giá. Đến năm 1927, tư liệu này được công bố trên tạp chí Visvavani, sau đó in thành sách tiếng Bengal và dịch sang tiếng Anh vào năm 1987 với tựa đề “Cuộc đời của Thánh Issa” (tiếng Anh: The Life of Saint Issa).

Giả thuyết này tiếp tục được củng cố bởi nữ sĩ Elizabeth Clare Prophet (1939-2009), nhà lãnh đạo tinh thần người Mỹ kiêm tác giả cuốn sách *“Những năm tháng thất lạc của Đức Chúa Jesus: Chứng cứ tư liệu về hành trình 17 năm đến phương Đông của Đức Chúa Jesus”* (tiếng Anh: The Lost Years of Jesus: Documentary Evidence of Jesu’ 17-Year Journey to the East). Qua tác phẩm, bà khẳng định các bản thảo Phật giáo đã cung cấp bằng chứng cho thấy Đức Chúa Giê-su từng lữ hành đến Ấn Độ, Nepal, Ladakh và Tây Tạng. Đồng quan điểm, tác giả người Đức Holger Kersten trong cuốn *“Chúa Giê-su từng sống ở Ấn Độ”* (tiếng Anh: Jesus Lived in India) cũng thực hiện một nghiên cứu hệ thống về quãng đời của ngài bên ngoài Trung Đông. Kersten lập luận rằng Đức Chúa Giê-su không chỉ đến Ấn Độ trước khi bị đóng đinh, mà còn cùng Đức Mẹ Maria trở lại vùng Kashmir sau biến cố đó. Tại đây, ngài tiếp tục rao giảng đạo, được người dân kính ngưỡng như một vị ngôn sứ và an nghỉ khi qua đời. Theo Kersten, hành trình tái định cư của Đức Chúa Giê-su đi qua ngả Thổ Nhĩ Kỳ và Ba Tư. Ông cũng dẫn chứng các câu chuyện cổ tại hai quốc gia này về vị thánh 'Yus Asaf' - người có giáo lý tương đồng kinh ngạc với Đấng Kitô, đồng thời chỉ ra hơn 21 tài liệu lịch sử chứng minh sự hiện diện của Đức Chúa Giê-su tại Kashmir dưới các danh xưng như Yuz Asaf hay Issa.

Giới nghiên cứu độc lập nhận định hoàn toàn có khả năng Đức Chúa Giê-su từng du hành khắp châu Á, mở ra cơ hội tiếp xúc sâu sắc với đạo Phật. Giả thuyết này dựa trên các ghi chép được tìm thấy tại Ấn Độ và Trung Hoa. Các chứng tích văn bản chỉ ra rằng Phật giáo không chỉ lan tỏa sang phương Tây theo chân lữ khách trên Con đường Tơ lụa từ thời Alexander Đại đế (334-323 trước Tây lịch), mà còn được chủ động truyền bá qua các phái đoàn Sứ giả Như Lai của Hoàng đế Ashoka vào thế kỷ III trước Tây lịch. Tầm ảnh hưởng này được một số học giả đối chiếu qua hành động, lời rao giảng của Đức Chúa Giê-su, cũng như các lời tiên tri trong Cựu Ước về Đấng Messiah - danh hiệu gốc Do Thái nhưng có sự tương đồng kỳ lạ về mặt ngữ âm lẫn ý niệm với "Maitreya" (Đức Phật Di Lặc, vị Phật tương lai) trong tiếng Phạn. Kinh Phúc Âm ghi lại những lần Đức Chúa Giê-su hé lộ sứ mệnh của mình cho Sứ đồ Phê-rô, người sau đó truyền lại cho Matthew và Luke. Đáng chú ý, phần lớn những tư tưởng đạo đức tinh túy và phép mầu của ngài được ghi trong bốn sách Phúc Âm đều phản chiếu sống động các bài thuyết pháp hung hồn của Đức Phật từ 500 năm trước. Sự trùng hợp diệu kỳ này dẫn đến giả thuyết rằng Đức Chúa Giê-su đã tư duy, nói năng và hành động dưới sự ảnh hưởng sâu sắc của một nền giáo dục Phật giáo.

Từ lâu, nhiều học giả đã khám phá ra các yếu tố Phật giáo ẩn sau Phúc âm Gio-an, đồng thời công nhận nền tảng phương Đông của giáo phái Essene. Hoạt động tại Palestine từ thế kỷ II trước Tây lịch đến thế kỷ I Tây lịch, Essene là một cộng đồng Do Thái giáo tu hành khổ hạnh và xuất gia, được cho là đã để lại những ảnh hưởng sâu sắc đến hành trình tâm linh của Đức Chúa Giê-su. Giữa triết lý đạo Phật và lối sống của giáo phái này tồn tại những nét tương đồng mạnh mẽ, tạo nên một mảng màu đặc biệt trong môi trường tôn giáo tại Palestine vào thời điểm Đức Chúa Giê-su giáng sinh. Trong bối cảnh đó, Phúc âm Gio-an ra đời cùng các sách Phúc âm quy điển khác như Mát-thêu, Mác-co và Lu-ca trong khoảng năm 65 đến 95 Tây lịch. Là tác phẩm của một trong mười hai Tông đồ thân cận, Phúc âm Gio-an từng được coi là "Phúc âm tâm linh" và để lại tầm ảnh hưởng lâu dài đối với Kitô giáo sơ khai. Từ những mối liên hệ này, giới nghiên cứu đi đến nhận định rằng Palestine cùng nhiều khu vực thuộc vùng Tiểu Á đã được thấm nhuần các tư tưởng Phật giáo suốt hai thế kỷ trước Tây lịch.

Trước những chứng cứ đầy tính thuyết phục kể trên, hoàn toàn có khả năng Đức Chúa Giê-su là một phật tử, hay một vị Bồ Tát - một bậc Giác ngộ mang hạnh nguyện từ bi nhằm cứu giúp chúng sinh trên con đường tìm kiếm cảnh giới tâm linh tối thượng. Vào thế kỷ XIX, các nhà truyền giáo phương Tây tại Ấn Độ khi dịch thuật các tài liệu Phật giáo cổ bằng tiếng Phạn và tiếng Pali đã trớ trêu gọi đạo Phật là "Kitô giáo của phương Đông". Thế nhưng, thực tế lịch sử cho thấy điều ngược lại: chính Kitô giáo mới là "Phật giáo của phương Tây", bởi giáo lý

nhà Phật đã hưng thịnh từ nửa thiên niên kỷ trước khi Đức Chúa Giê-su giáng sinh.

Vài nét về tác giả

*Lịch sử **nghiên cứu Phật học** luôn ghi dấu Tiến sĩ Daya Hewapathirane (1936-2020) như một học giả lỗi lạc, một nhà hoạt động văn hóa tâm huyết người Canada gốc Sri Lanka. Cuộc đời ông là một hành trình tận hiến, ghi dấu ấn sâu đậm qua những nỗ lực không mệt mỏi nhằm gìn giữ, bảo tồn và đưa những di sản Phật giáo thiêng liêng của Sri Lanka tỏa sáng ra thế giới.*

Không chỉ là một học giả uy tín, ông còn là nhà lập pháp xuất sắc khi từng giữ các cương vị hoạch định chính sách cấp cao trong chính phủ Canada, rồi trở thành cố vấn cho Tổng thống Sri Lanka. Trên mọi chặng đường sự nghiệp, ông luôn dành tâm huyết to lớn để khơi dậy và lan tỏa niềm tự hào công chúng về trang sử vàng cùng kho tàng di sản phong phú của quê hương mình.

Tác giả: **Tiến sỹ Daya Hewapathirane/**Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: balawegaya.wordpress.com

Link bài gốc: https://www.lankaweb.com/news/items/2018/04/11/jesus-christ-exposure-to-buddhism/